VĂN BẢN KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1894/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 04 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Chương trình phát triển ngành công nghiệp môi trường Việt Nam giai đoạn 2025 - 2030

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển ngành công nghiệp môi trường Việt Nam giai đoạn 2025 - 2030 (sau đây viết tắt là Chương trình) với nội dung như sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển ngành công nghiệp môi trường (sau đây viết tắt là CNMT) là một nội dung quan trọng trong tổng thể phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Ưu tiên phát triển CNMT với các cơ chế chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật. Phát triển CNMT trên cơ sở vận dụng tối đa các nguồn lực sẵn có, gắn với định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp và chiến lược phát triển công nghiệp quốc gia.

2. Phát triển doanh nghiệp CNMT trong nước theo hướng hiện đại có đủ năng lực cạnh tranh trong việc tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh và cấp khu vực, cấp quốc tế; Doanh nghiệp tư nhân là lực lượng trung tâm trong phát triển CNMT, được hỗ trợ mạnh mẽ về cơ chế chính sách, tín dụng xanh, tiếp cận công nghệ và thị trường; khuyến khích hình thành các tập đoàn tư nhân mạnh trong lĩnh vực công nghệ môi trường.

3. Phát triển CNMT dựa trên đổi mới sáng tạo, công nghệ hiện đại và chuyển đổi số gắn với phát triển thị trường hàng hóa, nâng cao năng lực cung ứng và chất lượng hàng hóa CNMT trong nước, ưu tiên phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu và các giải pháp công nghệ số trong sản xuất, chế tạo thiết bị và sản phẩm công nghiệp môi trường.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

a) Phấn đấu xây dựng và phát triển CNMT trở thành ngành kinh tế độc lập có đóng góp quan trọng trong cơ cấu kinh tế quốc dân; đóng vai trò chiến lược trong bảo đảm độc lập, tự chủ trong cung ứng công nghệ, thiết bị và sản phẩm công nghiệp môi trường khi xử lý các thách thức môi trường của đất nước; có khả năng làm chủ công nghệ, tự chủ sản xuất đồng thời có khả năng tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu về công nghệ, thiết bị, sản phẩm công nghiệp môi trường, đóng góp tích cực vào thực hiện các mục tiêu về bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải khí nhà kính trong các chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển quốc gia.

b) Nâng cao năng lực và vai trò, tỷ trọng của ngành CNMT trong nền kinh tế, tạo thêm việc làm, đảm bảo an sinh xã hội; cải thiện năng lực cạnh tranh dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ tiên tiến, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, trở thành lĩnh vực tiên phong trong áp dụng công nghệ xanh, công nghệ thông minh, góp phần hiện đại hóa nền kinh tế và tăng trưởng bền vững.

c) Ngành CNMT đóng vai trò dẫn dắt chuyển đổi xanh, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn, phát triển bền vững và nâng cao sức cạnh tranh quốc gia, đồng thời trở thành nền tảng, hỗ trợ tích cực cho quá trình giảm phát thải, ứng phó biến đổi khí hậu.

d) Hình thành hệ sinh thái CNMT hiện đại, có khả năng sản xuất, cung ứng thiết bị, công nghệ, và sản phẩm công nghiệp môi trường cho trong nước và xuất khẩu. Phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp - viện nghiên cứu - trường đại học - cơ quan quản lý nhà nước - tổ chức quốc tế nhằm đẩy mạnh nghiên cứu, làm chủ và thương mại hóa công nghệ môi trường, tăng năng lực nội địa hóa thiết bị, tạo lập các chuỗi giá trị xanh trong nước.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Hệ thống chính sách phát triển ngành CNMT cơ bản được rà soát và hoàn thiện, tạo được khung pháp lý để hình thành và phát triển được các khu, cụm công nghiệp tái chế làm nền tảng dẫn dắt, thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp môi trường, hướng tới mục tiêu xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định về phát triển ngành công nghiệp môi trường.

b) Phát triển CNMT đáp ứng nhu cầu bảo vệ môi trường trong các lĩnh vực, hoạt động:

- Công nghiệp xử lý nước thải: Phát triển công nghệ, thiết bị, sản phẩm đáp ứng mục tiêu cung cấp được 70% - 80% nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

- Công nghiệp xử lý khí thải: Phát triển công nghệ, thiết bị, sản phẩm đáp ứng mục tiêu cung cấp được 60% - 70% nhu cầu trong nước.

- Công nghiệp xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại: Phát triển công nghệ, thiết bị, sản phẩm đáp ứng mục tiêu 50% - 60% nhu cầu thu gom, vận chuyển, trung chuyển, phân loại và 60% - 70% nhu cầu phân loại, tái chế trong nước.

- Phát triển thiết bị đo lường, giám sát môi trường đáp ứng mục tiêu cung cấp 20% nhu cầu trong nước.

- Phát triển công nghệ, thiết bị, sản phẩm đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất năng lượng từ chất thải.

- Phát triển công nghệ, thiết bị, sản phẩm đáp ứng nhu cầu bảo vệ môi trường cho các ngành, lĩnh vực trong quá trình tái cấu trúc nền kinh tế.

c) Phát triển thị trường hàng hóa CNMT, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của hàng hóa CNMT sản xuất trong nước, nâng cao năng lực của các tổ chức cung ứng hàng hóa CNMT, tăng cường xúc tiến thương mại, … nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu về bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh, giảm phát thải khí nhà kính, kinh tế tuần hoàn trong các chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển quốc gia.

d) Phát triển dịch vụ công nghiệp môi trường và hình thành các doanh nghiệp dịch vụ công nghiệp môi trường vận hành các công trình, nhà máy chế biến/ xử lý chất thải (nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, khí thải), bảo trì, sửa chữa thiết bị đạt tiêu chuẩn quốc tế để đáp ứng nhu cầu vận hành ổn định của thiết bị, hệ thống chế biến/xử lý chất thải hoặc của các công trình bảo vệ môi trường khác hướng đến xây dựng hệ sinh thái đa dạng với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế.

đ) Thu hút đầu tư từ nước ngoài vào ngành CNMT, tiến tới xuất khẩu một số công nghệ, thiết bị, sản phẩm ngành CNMT có ưu thế.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện hệ thống chính sách, thể chế để phát triển ngành công nghiệp môi trường

a) Rà soát, nghiên cứu, đề xuất xây dựng cơ chế, chính sách hoàn thiện khung pháp lý về phát triển công nghiệp môi trường.

b) Xây dựng và công bố một số tiêu chuẩn, quy chuẩn về hàng hóa ngành công nghiệp môi trường phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong nước và quốc tế.

c) Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chính sách thuế đối với hàng hóa CNMT và chính sách thuế thúc đẩy chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển CNMT.

d) Bổ sung các chỉ tiêu thống kê về ngành công nghiệp môi trường vào hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.

đ) Ban hành mã số định danh đối với hàng hóa môi trường của danh mục thuế quan hài hòa (HS code).

e) Ban hành các chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư để hình thành và phát triển được các khu, cụm công nghiệp tái chế làm nền tảng dẫn dắt, thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp môi trường.

g) Ban hành các chính sách hỗ trợ, ưu đãi, đầu tư cho các doanh nghiệp tiếp nhận chuyển giao công nghệ, mua bán quyền sáng chế, phần mềm, thuê chuyên gia trong, ngoài nước để phát triển công nghệ công nghiệp môi trường.

h) Rà soát danh mục cụ thể công nghệ, thiết bị, sản phẩm ngành công nghiệp môi trường gồm: công nghệ điện rác; xử lý nước thải đô thị/công nghiệp; vật liệu xây dựng tái chế; tái chế chất thải từ năng lượng tái tạo (điện mặt trời, điện gió); hệ thống quan trắc môi trường; nhựa sinh học, vật liệu xanh... để trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 980/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục cụ thể công nghệ, thiết bị, sản phẩm ngành công nghiệp môi trường. Nghiên cứu bổ sung các công nghệ thiết bị xử lý chất thải vào Danh mục sản phẩm cơ khí trọng điểm.

i) Nghiên cứu, xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định về phát triển ngành công nghiệp môi trường.

2. Phát triển thị trường hàng hóa công nghiệp môi trường

a) Xây dựng và mở rộng nhu cầu thị trường đối với thiết bị, công nghệ, sản phẩm hàng hóa công nghiệp môi trường thông qua hình thức đặt hàng, chỉ định thầu cho các doanh nghiệp trong nước.

b) Phát triển năng lực cung cấp thiết bị, công nghệ, sản phẩm hàng hóa công nghiệp môi trường cho các doanh nghiệp.

c) Hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, kết hợp với thiết lập mạng lưới vườn ươm doanh nghiệp công nghiệp môi trường tại các khu, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao và cơ sở đào tạo trọng điểm. Vườn ươm doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển thị trường hàng hóa công nghiệp môi trường**,** đặc biệt là ở giai đoạn đầu của chuỗi đổi mới sáng tạo.

d) Triển khai các hoạt động ưu tiên về dán nhãn đối với sản phẩm hàng hóa của ngành CNMT, thúc đẩy phát triển bền vững thị trường sản phẩm hàng hóa và các chính sách quy định tiêu chuẩn chất lượng và phát triển bền vững. Tổ chức xúc tiến thương mại, thu hút đầu tư vào ngành CNMT.

đ) Hình thành và phát triển một số doanh nghiệp công nghiệp môi trường thuộc các Tập đoàn, Tổng Công ty của nhà nước như: PETROVIETNAM, VINACHEM, VINACOMIN, VINAINCON, VEAM, v.v… để phát huy sức mạnh nguồn lực tài chính và con người sẵn có đáp ứng mục tiêu phát triển ngành công nghiệp môi trường.

e) Khuyến khích, thúc đẩy hợp tác công - tư trong nghiên cứu và sản xuất thiết bị, sản phẩm công nghiệp môi trường mới: Nhà nước hỗ trợ vốn, hạ tầng và đào tạo nhân lực; doanh nghiệp triển khai thực tế, vận hành, thương mại hóa sản phẩm.

g) Nghiên cứu xây dựng các trung tâm công nghiệp môi trường cấp quốc gia, tập trung năng lực sản xuất, chuyển giao và đổi mới sáng tạo.

3. Phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phục vụ phát triển ngành công nghiệp môi trường

a) Phát triển khoa học công nghệ:

- Thúc đẩy hoạt động khoa học công nghệ để làm chủ và phát triển được các công nghệ, thiết bị, sản phẩm thuộc danh mục cụ thể công nghệ, thiết bị, sản phẩm ngành công nghiệp môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 980/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2023 phục vụ xử lý chất thải, bảo vệ môi trường đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

- Giới thiệu, phổ biến một số quy trình công nghệ sản xuất tiên tiến, công nghệ sản xuất sản phẩm, chế phẩm giảm thiểu ô nhiễm, xử lý chất thải, cải tạo môi trường và yêu cầu kỹ thuật về hàng hóa ngành công nghiệp môi trường.

- Nghiên cứu, ứng dụng, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ tiên tiến cho một số doanh nghiệp và cơ sở nghiên cứu trong lĩnh vực công nghiệp môi trường.

- Ban hành các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tiếp nhận chuyển giao công nghệ, mua bán quyền sáng chế, phần mềm, thuê chuyên gia trong, ngoài nước.

- Hợp tác quốc tế trong đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.

- Nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ xử lý chất thải, đặc biệt là từ công nghiệp năng lượng tái tạo theo nguyên tắc giảm thiểu, thu hồi, tái sử dụng, tái chế để giảm tối đa lượng chất thải, tận dụng vật liệu thải bỏ làm nguyên liệu cho các ngành kinh tế khác.

- Đẩy mạnh áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, nhất là các công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh vào doanh nghiệp.

b) Tăng cường đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số:

- Hỗ trợ kỹ thuật để doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản trị theo chuẩn mực quốc tế, hệ thống quản lý đáp ứng yêu cầu của các chuỗi sản xuất toàn cầu trong quản trị doanh nghiệp, quản trị sản xuất.

- Ứng dụng công nghệ thiết kế và sản xuất nhờ máy tính (CAD/CAM) trong chế tạo thiết bị.

- Ứng dụng thiết bị cơ điện tử, các hệ thống điều khiển tự động hiện đại, thông minh vào dây chuyền thiết bị đồng bộ trong ngành công nghiệp môi trường.

- Xây dựng, hình thành các sản phẩm cảm biến sinh học sử dụng trong lĩnh vực công nghiệp môi trường, chế tạo dây chuyền, thiết bị công nghệ sinh học phục vụ công nghiệp môi trường.

- Hỗ trợ doanh nghiệp ngành CNMT áp dụng các mô hình bền vững, các mô hình sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững; mô hình kinh tế tuần hoàn.

4. Đào tạo, tập huấn, phát triển nguồn nhân lực phát triển ngành công nghiệp môi trường

a) Xây dựng cơ sở dữ liệu về nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực và chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển ngành CNMT.

b) Xây dựng chương trình đào tạo, tập huấn và tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý nhà nước ngành CNMT, cán bộ quản lý và công nhân kỹ thuật tại các doanh nghiệp CNMT.

c) Xây dựng chương trình đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển ngành CNMT.

5. Xây dựng, vận hành trang thông tin điện tử về công nghiệp môi trường

a) Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu doanh nghiệp về hàng hóa hoàn chỉnh trong các lĩnh vực của ngành công nghiệp môi trường.

b) Xây dựng trang thông tin điện tử đáp ứng các nhu cầu về lưu trữ, tra cứu, cập nhật thông tin về ngành CNMT.

c) Đầu tư, duy trì, nâng cấp trang thiết bị, hoạt động của trang thông tin điện tử.

d) Cập nhật hàng năm dữ liệu về phát triển ngành CNMT.

6. Đẩy mạnh công tác truyền thông, phổ biến về ngành công nghiệp môi trường

a) Tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về công nghiệp môi trường.

b) Xây dựng và tổ chức các chương trình truyền thông, các cuộc thi tìm hiểu về công nghiệp môi trường; phổ biến, nhân rộng các kết quả, công trình nghiên cứu về các công nghệ, thiết bị, sản phẩm của ngành công nghiệp môi trường.

c) Tăng cường trao đổi thông tin hợp tác quốc tế, phổ biến kinh nghiệm từ các mô hình phát triển công nghiệp môi trường thành công trong nước và nước ngoài trên các báo, tạp chí chuyên ngành, phương tiện thông tin đại chúng.

d) Tôn vinh, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích cao trong hoạt động phát triển ngành công nghiệp môi trường. Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các hoạt động của Chương trình thương hiệu quốc gia Việt Nam.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Chương trình được đảm bảo từ các nguồn vốn ngân sách nhà nước và vốn huy động từ các nguồn khác (vốn tự có của doanh nghiệp, vốn vay của các tổ chức tín dụng, từ quỹ bảo vệ môi trường và các nguồn vốn hợp pháp khác), trong đó:

Kinh phí thực hiện các nội dung phục vụ quản lý nhà nước được bố trí từ nguồn vốn ngân sách nhà nước (sự nghiệp bảo vệ môi trường, sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khoa học và công nghệ) theo quy định;

Kinh phí thực hiện các hoạt động đầu tư phát triển ngành CNMT được huy động từ các nguồn vốn hợp pháp của doanh nghiệp, vốn vay của các tổ chức tín dụng, quỹ bảo vệ môi trường và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện Chương trình; lồng ghép các mục tiêu, nội dung của Chương trình với các chương trình, đề án, dự án khác có liên quan.

b) Hàng năm, căn cứ nội dung Chương trình, xây dựng dự toán kinh phí thực hiện Chương trình của Bộ Công Thương, gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

c) Hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thu hút vốn và các nguồn lực phục vụ hoạt động phát triển công nghiệp môi trường.

d) Chủ trì rà soát danh mục cụ thể công nghệ, thiết bị, sản phẩm ngành công nghiệp môi trường để trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 980/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục cụ thể công nghệ, thiết bị, sản phẩm ngành công nghiệp môi trường.

đ) Nghiên cứu, đề xuất và phát triển một số doanh nghiệp công nghiệp môi trường thuộc các Tổng Công ty: VINAINCON, VEAM v.v…

e) Chủ trì hướng dẫn, giám sát, đôn đốc, kiểm tra, sơ kết đánh giá kết quả thực hiện hàng năm và toàn bộ Chương trình; kịp thời đề xuất, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh Chương trình theo từng thời kỳ cho phù hợp với điều kiện thực tiễn.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn đến năm 2030 "Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ tiên tiến phục vụ ngành công nghiệp môi trường" tại Quyết định số 22/QĐ-BKHCN ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và các chương trình về đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa có liên quan nhằm phát triển ngành công nghiệp môi trường.

3. Bộ Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương quy định mã số định danh đối với hàng hóa môi trường của danh mục thuế quan hài hòa (HS code) để thực hiện lộ trình mở cửa hàng hóa môi trường phù hợp với cam kết quốc tế.

b) Chỉ đạo tổ chức rà soát, bổ sung các chỉ tiêu thống kê về ngành công nghiệp môi trường vào hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.

c) Chủ trì xây dựng và ban hành các chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ tài chính và đầu tư để phát triển công nghiệp môi trường.

d) Nghiên cứu, đề xuất xây dựng và phát triển một số doanh nghiệp công nghiệp môi trường thuộc các Tập đoàn: EVN, PETROVIETNAM, VINACHEM, VINACOMIN, v.v…

4. Bộ Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường để tạo áp lực phát triển thị trường hàng hóa công nghiệp môi trường;

b) Chủ trì xây dựng các chính sách hỗ trợ về đất đai (cơ chế giao đất, cho thuê đất ưu đãi cho các dự án phát triển CNMT; hướng dẫn miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất cho các dự án phát triển CNMT; hướng dẫn cách xác định giá đất, hỗ trợ người dân khi Nhà nước thu hồi đất để phát triển các dự án CNMT) để phát triển các doanh nghiệp CNMT, cụm công nghiệp CNMT, khu công nghiệp CNMT, trung tâm CNMT cấp quốc gia.

5. Các bộ, ngành khác theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý nhà nước của mình có trách nhiệm:

a) Hàng năm, căn cứ Chương trình, tiêu chuẩn, định mức hiện hành, xây dựng dự toán kinh phí thực hiện Chương trình, gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

b) Phối hợp với Bộ Công Thương tổ chức triển khai các nhiệm vụ có liên quan thuộc Chương trình; định kỳ hàng năm có báo cáo kết quả thực hiện gửi về Bộ Công Thương để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

6. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Chỉ định đơn vị đầu mối tổ chức thực hiện các nội dung của Chương trình; tăng cường công tác truyền thông đến toàn thể các cấp, các ngành, tổ chức, cá nhân để biết và phối hợp triển khai hiệu quả các nội dung của Chương trình tại địa phương.

b) Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển CNMT tại địa phương; chỉ đạo tổ chức xây dựng, phê duyệt kế hoạch, và bố trí kinh phí thực hiện đối với nguồn ngân sách nhà nước của địa phương triển khai các nội dung của Chương trình.

c) Ban hành các chính sách giao đất, cho thuê đất, miễn giảm tiền sử dụng đất để thu hút đầu tư phát triển CNMT; hỗ trợ quỹ đất để di dời hộ gia đình ra khỏi khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoặc di dời cơ sở đang hoạt động để phát triển các doanh nghiệp CNMT, cụm công nghiệp CNMT, khu công nghiệp CNMT.

d) Tổ chức kiểm tra việc thực hiện Chương trình tại địa phương, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện Chương trình của địa phương hàng năm, giai đoạn 2026 - 2030 gửi Bộ Công Thương tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

7. Tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Chương trình

a) Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các hiệp hội doanh nghiệp trung ương và địa phương, các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Chương trình có trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, các bộ, cơ quan, địa phương liên quan vận động, giới thiệu doanh nghiệp tham gia Chương trình; tổ chức các hoạt động trong chương trình phát triển ngành công nghiệp môi trường trên cơ sở phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và năng lực đơn vị.

- Huy động nguồn vốn để tham gia các dự án ưu tiên của Chương trình.

- Kịp thời phản ánh những tồn tại, bất cập đến các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thực hiện Chương trình.

b) Hiệp hội Công nghiệp môi trường Việt Nam có trách nhiệm tuyên truyền, liên kết, hợp tác các tổ chức ngành công nghiệp môi trường và các tổ chức có liên quan khác, tham gia các hoạt động phát triển ngành công nghiệp môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Hồng Hà